

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hữu Minh.

2. Ông Trần Ngọc Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/6/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 846/2020/TLST – HNGĐ ngày 16/10/2020 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST– HNGĐ ngày 29/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ A, ấp ĐM, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: tổ B, ấp XG, xã LP, huyện LT, Đồng Nai.

Chị N có đơn xin vắng mặt; anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh S không chịu làm ăn. Do không có tiền nuôi con nên từ tháng 12/2015 chị phải đưa con về nhà cha mẹ đẻ để nương tựa và ly thân từ đó tới nay. Hiện chị không còn tình cảm gì với anh S nên chị làm đơn xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Chị đã suy nghĩ rất kỹ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Huỳnh N, sinh ngày 27/12/2014 (có con trước khi kết hôn).

Từ khi ly thân tới nay, cháu N vẫn sống cùng với chị. Sau khi ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Ngọc S vắng mặt nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh S được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Huỳnh N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phan Ngọc S có hộ khẩu thường trú tại xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện xin được ly hôn với anh S và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm N là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt khi xét xử; anh Phan Ngọc S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử đến lần thứ 02 Nng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N và anh Phan Ngọc S tự nguyện kết hôn với nhau vào tháng 2/ 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị N xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương Nng địa phương không biết do đương sự không trình báo.

Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng anh Phan Ngọc S vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh S là có thật, anh S cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên chị N đã về nhà cha mẹ để sống từ tháng 12/2015 tới nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cố gắng động viên chị N rút đơn ly hôn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ Nng chị N xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm N, cho chị N được ly hôn với anh Phan Ngọc S là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Huỳnh N, sinh ngày 27/12/2014. Mặc dù con sinh trước khi đăng ký kết hôn nhưng cả hai đều thừa nhận con chung và làm giấy khai sinh do chị N, anh S đứng tên cha mẹ. Từ khi ly thân tới nay, cháu N vẫn sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N xin được nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến trình bày của anh S nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Cẩm N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với anh Phan Ngọc S.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Huỳnh N, sinh ngày 27/12/2014.

Giao cháu Ngọc cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0004838 ngày 15/10/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung